

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13/11/2020

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung giữa Chị Q và anh M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 189/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị Q, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số nhà X, tổ dân phố số Y, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc M, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Số nhà X, tổ dân phố số Y, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(*Chị Q, anh M đều có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2020, bản tự khai ngày 14/7/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2020, nguyên đơn chị Tô Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc M tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2006 tại UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng vẫn chung sống tại thị trấn Diêm Điền và lao động tự do. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đã làm đơn xin ly hôn anh M nhưng sau đó đã rút đơn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh M nên chị đề

ngợi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Trần Công M1, sinh ngày 23/01/2008 và Trần Thanh P sinh ngày 28/6/2013. Hiện Chị Q không có thai.

Ly hôn Chị Q đề nghị: Chị xin nuôi con Trần Thanh Phong, để anh M nuôi con Trần Công M1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo bản tự khai đề ngày 11/9/2020 và biên bản lấy lời khai đề ngày 11/9/2020, bị đơn anh Trần Quốc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M xác nhận về quá trình, điều kiện kết hôn, như Chị Q trình bày như trên là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do có những trục trặc về quan điểm làm ăn và Chị Q tự ý bỏ ra ngoài ở từ tháng 8/2020 đến nay. Nay Chị Q có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và Chị Q có 02 con chung là Trần Công M1, sinh ngày 23/01/2008 và Trần Thanh P sinh ngày 28/6/2013. Ly hôn anh xin nuôi con Trần Công M1, để Chị Q nuôi con Trần Thanh Phong, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 31/8/2020 Ủy ban nhân dân thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy và cơ sở thôn cung cấp như sau:

Chị Tô Thị Q, sinh năm 1984 và anh Trần Quốc M, sinh năm 1974 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 239, tổ dân phố số 6, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị Q và anh M có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2006. Trong quá trình chung sống tại địa phương anh Trần Quốc M và chị Tô Thị Q có phát sinh mâu thuẫn, có xảy ra đánh cãi, chửi nhau, địa phương đã tiến hành động viên hòa giải nhiều lần nhưng Chị Q, anh M không thể hòa giải được. Chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Khoảng cuối năm 2019 Chị Q, anh M có mâu thuẫn Chị Q đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về đoàn tụ với anh M. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Chị Q và anh M lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, địa phương hòa giải nhưng không thành, nay Chị Q làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị Q, anh M có 02 con chung là Trần Công M1, sinh ngày 23/01/2008 và Trần Thanh P sinh ngày 28/6/2013 hiện tại cháu Minh đang ở cùng anh M, cháu Phong đang ở cùng Chị Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Địa phương không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của bộ luật tố tụng

dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Tô Thị Q được ly hôn anh Trần Quốc M; Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Thanh P sinh ngày 28/6/2013 cho Chị Q nuôi dưỡng; giao con Trần Công M1, sinh ngày 23/01/2008 cho anh M nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Q, anh M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh M không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh M đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Chị Q, anh M và cháu M1, cháu P, xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của vợ chồng, vì vậy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q, anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2006. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị đã làm đơn xin ly hôn anh M nhưng sau đó đã rút đơn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ tháng 6 năm 2020. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn cuộc hôn nhân, trong khi đó Chị Q vẫn đề nghị xin được ly hôn anh M. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị Q và anh M đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị Q cương quyết xin ly hôn, cần xử cho Chị Q được ly hôn anh M là phù hợp với thực tế và quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Chị Q và anh M có hai con chung là cháu Trần Công M1, sinh ngày 23/01/2008 và Trần Thanh P sinh ngày 28/6/2013. Cả Chị Q và anh M đều

thống nhất quan điểm nếu ly hôn để anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu M1 và Chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và cháu Trần Công M1 cũng có nguyện vọng được ở với anh M, cháu Trần Thanh P cũng có nguyện vọng được ở với Chị Q. Kết quả xác minh ở UBND thị trấn D đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, cần để Chị Q tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh P và anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Công M1 để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi, sự phát triển tốt nhất về mọi mặt của các con chung. Điều này cũng phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Chị Q và anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh M đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị Q phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị Q được ly hôn anh Trần Quốc M.

2. Về con chung: Xử giao con chung Trần Thanh P sinh ngày 28/6/2013 cho Chị Q nuôi dưỡng; giao con Trần Công M1, sinh ngày 23/01/2008 cho anh M nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Tô Thị Q và anh Trần Quốc M có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tô Thị Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ Chị Q đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002306 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/11/2020)./

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND thị trấn D
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Doanh